TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK HÀ** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 94/2017/QĐST-HNGĐ	*Đăk Hà, ngày 20 tháng 9 năm 2017.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 96/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017, giữa: Nguyên đơn: Chị Lê Thị Công L. Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh Kon Tum với bị đơn anh Lê Thái H. Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị Công L với anh Lê Thái H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Công L với anh Lê Thái H thỏa thuận thuận tình ly hôn;

- Về con chung: Giao hai con chung là Lê Viết Đ, sinh ngày 16/7/2004 và Lê Viết T, sinh ngày 29/4/2006 cho chị Lê Thị Công L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, anh Lê Thái H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng)/1 cháu, kể từ ngày 01/10/2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự: Kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2017 bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không

chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Về tài sản, nợ nần: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 144, khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Toà án: Án phí thuận tình ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) các đương sự phải chịu, chị L nhận chịu; án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quyết định của Tòa án là 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) anh H phải chịu, chị L nhận chịu. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm chị Lê Thị Công L phải chịu là 300.000 (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị L đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2010/0009256, ngày 29/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Hà; Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Vũ Thị Hồng Dung